TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:11/2018/HN-ST
Ngày: 16/3/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh**.
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Văn Thưởng**
2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Sơn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thu Ngà** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 476/2017/TLST- HN ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Cẩm C,** sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: **Anh Võ Anh T,** sinh năm: 1977
Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1955
Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa chị C,anh T có mặt,ông A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2017, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm C trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/4/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ bên ngoài nên thường xuyên về nhà gây cãi với chị. Từ tháng 01 năm 2017 anh T bỏ nhà đi, chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Chị không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Trong quá trình chung sống chị và anh T có hai con chung tên Võ Đăng Ksinh ngày 24/4/2003 và Võ Đăng H sinh ngày 03/01/2008. Hiện tại hai con chung đang sống cùng với chị và do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai con cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị và anh T có vay của ông Nguyễn Văn A 166.000.000 đồng, do ông A không có yêu cầu chị và anh T giải quyết trả nợ trong cùng vụ kiện này, nên chị không có ý kiến.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị anh Võ Anh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về quá trình kết hôn; việc đăng ký kết hôn; về con chung; tài sản chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh thừa nhận vợ chồng có gây cãi, anh cũng cảm thấy có lỗi với vợ anh, nhưng vì do anh ra ngoài làm ăn nên có mối quan hệ thân thiết với người khác phái. Vợ anh khi phát hiện mối quan hệ này đã làm nhục anh với bạn bè nên anh buồn bỏ nhà ra đi từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Mặc khác ba anh bị bệnh anh phải chăm sóc cho ba anh nên anh không về sống chung với vợ anh được. Anh không đồng ý ly hôn vì con anh còn quá nhỏ anh không muốn ảnh hưởng đến sự phát triển của con, hiện tại anh vẫn còn thương chị C.

Về con chung: Nếu trường hợp Tòa buộc ly hôn thì anh cũng đồng ý giao con chung cho chị C nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh cũng không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho anh.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị C không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày:

Trước đây ông có cho con gái ông là C và chồng là T vay số tiền 166.000.000 đồng. Nay ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc xin ly hôn giữa Nguyễn Thị Cẩm C và Võ Anh T. Ông không yêu cầu Tòa giải quyết số tiền nợ này trong vụ án ly hôn giữa chị C và anh T. Do không có

yêu cầu độc lập nên ông không có liên quan đến việc ly hôn giữa chị C và anh T, ông yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: căn cứ vào hồ vụ án và lời trình bày của các đương sự đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm C, đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cũng như không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị C sau khi ly hôn. Về tài sản chung: chị C anh T thống nhất tự thỏa thuận không tranh chấp. Đối với số tiền nợ chung 166.000.000 đồng chị C trình bày, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A không có yêu cầu độc lập, Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Chị Nguyễn Thị Cẩm C và anh Võ Anh T sống chung vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2002, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị C yêu cầu giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo biên bản xác minh tại công an xã B ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C cho biết anh T và chị C thật sự có xảy ra mâu thuẫn, trong quá trình xảy ra mâu thuẫn ngày 31/01/2017 chị C bị ngất xỉu phải nhập viện điều trị, anh T thừa nhận bản thân mình có lỗi với vợ vì có thân thiết với người khác phái. Nhưng từ thời gian đó cho đến nay anh T lại dọn ra ngoài sống ly thân, là không có thiện chí cải thiện tình cảm vợ chồng, cũng không có thiện chí làm giải tỏa các tổn thương tinh thần do anh đã gây ra cho chị C. Tại phiên tòa, anh T vẫn không đồng ý ly hôn vì cho rằng con anh còn nhỏ, anh còn thương vợ con, nhưng anh lại không đưa ra biện pháp nào để vợ chồng có thể quay về chung sống với nhau. Thực tế, chị C và anh T đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay, đây là thời gian đủ dài để chị C và anh T có thể nhận ra những sai sót, khiếm khuyết, sửa chữa và hàn gắn. Tuy nhiên, anh T và chị C vẫn không làm được. Điều đó cho thấy đời sống chung vợ chồng đã không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[4]Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre về việc chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn của chị C là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ yêu cầu xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì hiện tại Võ Đăng K và Võ Đăng H đang sống với chị, thu nhập bình quân của chị khoảng 10.000.000đồng/tháng, chị đủ khả năng chăm sóc và lo lắng cho cuộc sống, sinh hoạt, học tập cho hai con của chị. Anh T trình bày nếu trường hợp Tòa buộc ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị C, và anh không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị C có thu nhập ổn định hàng tháng, có khả năng tài chính nuôi con, hiện tại hai con chung đang sống cùng chị C có môi trường sinh sống, học tập ổn định và đang phát triển bình thường. Mặc khác Võ Đăng Kvà Võ Đăng H cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, anh T cũng đồng ý giao con cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng và không tranh chấp. Do đó, giao Võ Đăng K và Võ Đăng H cho chị C nuôi dưỡng và tạo điều kiện anh T tới lui thăm nom, chăm sóc con chung là phù hợp. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Ghi nhận chị C và anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung: Chị C và anh T cùng thống nhất tự thỏa thuận không tranh chấp, nên tòa không xem xét.

[8] Về nợ chung: Tại đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đề ngày 27/10/2017, ông Nguyễn Văn A không yêu cầu chị C và anh T phải trả 166.000.000 đồng trong vụ án ly hôn giữa chị C và anh T, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm C đối với anh Võ Anh T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm C được ly hôn với anh Võ Anh T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Cẩm C được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Đăng K sinh ngày 24/4/2003 và Võ Đăng H sinh ngày 03/01/2008. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Cẩm C không yêu cầu anh Võ Anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Anh T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận chị C và anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị C và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn A không có đơn khởi kiện yêu cầu chị C và anh T trả nợ, nên Tòa án không xem xét số tiền nợ 166.000.000 đồng trong cùng vụ án ly hôn.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị Nguyễn Thị Cẩm C phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012707 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.